

Bản án số: **341/2026/HS-PT**

Ngày: 22-5-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Thủy

Bà Phạm Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 22 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 187/2026/TLPT-HS ngày 16/3/2026, do có kháng cáo của bị cáo Võ Nhật Bình M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2026/HSST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Nhật Bình M**; giới tính: N2, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú và cư trú: E T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Võ Văn B (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị Thu T - sinh năm: 1970; Hoàn cảnh gia đình chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/7/2025 (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Võ Nhật Bình M: Ông Nguyễn Thiện K và bà Nguyễn Thị Minh Y – Luật sư của Công ty L – Chi nhánh tỉnh Đ thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ liên hệ: Số E L, phường B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2020, Ngô Phước B1 và Phan Thị N cùng nhau hùn tiền thuê lại khách sạn H3, địa chỉ số A đường L, Phường D, quận G của ông Phan Xuân

N1 để kinh doanh khách sạn và dịch vụ massage kích dục cho khách với các giá vé là 300.000 đồng, 400.000 đồng, 500.000 đồng và 700.000 đồng. Tại khách sạn có 03 nhân viên lễ tân làm việc gồm: Phan Thị N (ca từ 08 giờ đến 14 giờ), Hồ Thị Thanh D (ca từ 14 giờ đến 00 giờ ngày hôm sau) và Võ Nhật Bình M (ca 00 giờ đến 08 giờ).

Khi có khách đến yêu cầu massage, nhân viên lễ tân (Năm, D và M) sẽ tư vấn cho khách về giá vé dịch vụ để khách chọn và mua vé nào thì phải tip cho nhân viên bằng với giá vé đó. Sau đó, lễ tân sẽ thông báo lên group Z1 chung về thông tin về số phòng, mã số nhân viên và giá vé để nhân viên xuống phòng massage cho khách. Sau khi massage cho khách xong thì nhân viên nhận được tiền tip của khách, và phải trích lại một phần tiền để đưa cho lễ tân, cụ thể: Vé 300.000 đồng nhân viên trích lại 20.000 đồng; vé 400.000 đồng và vé 500.000 đồng trích lại 25.000 đồng; vé 700.000 đồng trích lại 35.000 đồng. Đồng thời, nhân viên massage nào cư trú tại khách sạn thì B1 sẽ thu tiền điện, nước với số tiền 500.000 đồng mỗi tháng (không thu tiền ở).

Đến khoảng giữa năm 2023, do tình hình kinh doanh khó khăn và nhiều khách đến massage có nhu cầu muốn mua dâm nên B1 và N đã bàn nhau cho nhân viên bán dâm tại khách sạn để tăng doanh thu. Sau đó, B1 và N chỉ đạo D và M, nếu trong lúc khách massage có nhu cầu mua dâm thì lấy phòng khách sạn để nhân viên massage đưa khách lên phòng khách sạn M2. Ngoài ra, nếu khách đến để mua dâm thì lấy sẵn phòng khách sạn cho họ và báo nhân viên đến phòng trên để bán dâm cho khách. Mỗi lần nhân viên bán dâm thì N, D và M thu tiền vé là 500.000 đồng, còn tiền bán dâm do nhân viên tự thỏa thuận với khách (Năm, B1, D không tham gia việc này). Mỗi lần kích dục hoặc bán dâm xong thì nhân viên đều phải nộp lại cho lễ tân từ 20.000 đồng đến 35.000 đồng (tùy vào giá vé như nêu trên).

Ngày 12/01/2024, D đang trực lễ tân tại Khách sạn H3 thì Trần Thị Diễm P (mã số nhân viên 05) có hẹn trước với 01 khách nam (Nguyễn Thanh T1) đến khách sạn để mua bán dâm nên có báo D biết. Khi T1 đến khách sạn, D yêu cầu T1 trả tiền vé là 500.000 đồng. D đưa chìa khóa phòng khách sạn số 602 cho T1 và có nhắn tin riêng để báo cho P đến phòng 602 để bán dâm cho khách. Tại phòng này, P và T1 chuẩn bị quan hệ tình dục thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang.

Cũng trong ca trực ngày 12/01/2024, khi D đang trực lễ tân thì La Thành T2 (khách mua dâm) đến khách sạn mua vé loại 500.000 đồng và yêu cầu nhân viên số 68 nên D có nhắn lên group Zalo chung để báo cho Phan Thị D1 (mã số nhân viên 68) đến phòng 306 để phục vụ khách. Tại phòng 306, T2 muốn quan hệ tình dục nên thỏa thuận là mua dâm tại chỗ với giá 1.200.000 đồng, D1 đồng ý. Khi cả hai đang mua bán dâm thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang.

Ngoài ra, tại các Phòng 301, Phòng 302, Phòng 305 còn phát hiện 03 nhân viên của Khách sạn đang massage kích dục cho khách.

Riêng Võ Nhật Bình M, thời điểm Cơ quan Công an kiểm tra không có mặt tại khách sạn (do không phải ca trực của M). Đến ngày 18/03/2024, M đến

Cơ quan Công an trình diện làm việc và khai nhận: Năm 2019, M được nhận vào làm việc ở vị trí lễ tân Khách sạn H3 với mức lương 8.000.000 đồng/tháng. Công việc của M là nhận và đăng kí khi có khách đến thuê phòng nghỉ tại Khách sạn H3 địa chỉ trên và giờ làm việc của M (ca từ 00 giờ đến 08 giờ sáng cùng ngày) và nằm trong group Zalo chung của khách sạn để điều hành, phân tua (lượt) cho nhân viên khi khách có yêu cầu. Vào ngày 12/01/2024, mặc dù không có mặt tại khách sạn nhưng khi D nhắn tin điều gải bán dâm lên các phòng của khách sạn thì M biết sự việc này.

Bản thân M biết Khách sạn H3 địa chỉ trên bắt đầu hoạt động mại dâm từ khoảng tháng 5/2023 nhưng không được hưởng lợi từ việc mua bán dâm của khách và nhân viên. Khi hết ca trực lễ tân, M sẽ tổng kết số tiền thu được trong ca trực ghi vào sổ thu chi và bàn giao lại cho ca sau. Ca sáng từ 08 giờ đến 14 giờ chịu trách nhiệm tổng kết doanh thu của ngày hôm đó và đưa cho N hoặc Bôn giữ.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại hiệu Samsung A71, số Imei: 353408118183746 của Phan Thị N.

- 01 điện thoại hiệu Samsung S21, số Imei: 352755850634356 của Ngô Phước B1.

- 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Promax, số Imei: 3S619444SC1232 của Hồ Thị Thanh D.

Cáo trạng số 156/Ctr-VKS- KV7, ngày 08/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Ngô Phước B1, Phan Thị N, Hồ Thị Thanh D, Võ Nhựt Bình M về tội “Chứa mại dâm” theo điểm a, c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Phước B1, Phan Thị N, Hồ Thị Thanh D, Võ Nhựt Bình M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 –Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích nội dung vụ án, những tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 327, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Ngô Phước B1 mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù

Xử phạt bị cáo Phan Thị N mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thanh D mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Võ Nhựt Bình M mức án tù 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù

- Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo D và bị cáo M.

- Phạt bổ sung bị cáo Ngô Phước B1, Phan Thị N mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại hiệu Samsung A71, số Imei: 353408118183746 của Phan Thị N; 01 điện thoại hiệu Samsung S21, số Imei: 352755850634356 của Ngô Phước B1; 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Promax, số Imei: 3S619444SC1232 của Hồ Thị Thanh D.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bị cáo Ngô Phước B1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000120 ngày 05/6/2025; số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bị cáo Phan Thị N đã nộp; số tiền theo Biên lai thu tiền số 0000119 ngày 05/6/2025; số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng do bị cáo Hồ Thị Thanh D đã nộp số tiền theo Biên lai thu tiền số 0000118 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh);

Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2026/HSST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Phước B1, Phan Thị N, Hồ Thị Thanh D, Võ Nhựt Bình M phạm tội “Chứa mại dâm”

- Căn cứ điểm a, c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025;

Xử phạt bị cáo Ngô Phước B1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Phước B1 số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phan Thị N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Phan Thị N số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp sung quỹ Nhà nước

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 327; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025;

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thanh D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2024.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 327; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025;

Xử phạt bị cáo Võ Nhựt Bình M 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2025

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 10/02/2026, bị cáo Võ Nhựt Bình M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Võ Nhựt Bình M 05 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt mà đề nghị hủy án sơ thẩm, với lý do:

- Vụ án để lọt tội phạm, lời khai của bị cáo D thể hiện có hành vi môi giới mại dâm; bảo vệ Hồ Văn H trước đây của khách sạn là chồng của bị cáo N và cư trú ở khách sạn nên đương nhiên biết hành vi phạm tội của vợ mình nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ; đối với lễ tân T3 thì nhóm group Z cho hoạt động mại dâm có 5 người là bị cáo B1, Năm, D, M, T3. Khi T3 nghỉ việc thì thêm vào bị cáo Võ Nhựt Bình M làm tiếp công việc của lễ tân Thanh; lời khai các nhân chứng thể hiện tại thời điểm lễ tân T3 làm việc tại khách sạn đều biết hoạt động mại dâm của B1 và Năm. Tuy nhiên, cơ quan tiến hành tố tụng chưa làm rõ việc T3 có biết, có tham gia trong việc giúp B1 và N thực hiện hành vi C mại dâm hay không.

- Xác định không đúng số tiền thu lợi bất chính, lời khai của các bị cáo trước sau có thay đổi, chi phí hoạt động của khách rất lớn nhưng việc thu lợi bất chính lại nhỏ là chưa phù hợp và việc phân chia hoa hồng cho các nhân viên cũng chưa được làm rõ.

Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Phước B1, Phan Thị N và Hồ C là không đúng quy định theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 25/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo này.

- Vi phạm tố tụng: Các Biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2024 (BL số 210), ngày 13/01/2023 (BL220), ngày 12/01/2024 (BL 224, 228, 235) không có thành phần cán bộ điều tra lập biên bản ghi lời khai nhưng cuối biên bản có chữ ký điều tra viên Phan Xuân H1, Biên bản ghi lời khai ngày 13/01/2024 (BL số 230) người tham gia lập biên bản là điều tra viên tên Lê Trần Duy C1, nhưng điều tra viên ký tại biên bản lại là Nguyễn Tuấn H2; Biên bản ghi lời khai ngày 13/01/2024, điều

tra viên tham gia lập biên bản ghi lời khai là Nguyễn Hoàng N2, nhưng người ký biên bản lại là Phan Xuân H1 những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không thể khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tranh luận: Việc điều tra, truy tố các bị cáo đã được thực hiện đúng quy định, việc Luật sư nhận định nêu trên là chưa đủ căn cứ để xem xét; đối với việc ghi tên sai điều tra viên chỉ là sai sót, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên đề nghị không chấp nhận tranh luận của Luật sư và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và các ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo kháng cáo còn trong thời hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện, thống nhất với tội danh, khung hình phạt mà bản án sơ thẩm đã quyết định. Xét thấy, tại thời điểm bắt quả tang bị cáo Võ Nhật Bình M không phải ca trực nhưng bị cáo biết toàn bộ diễn biến vụ việc. Sau khi vụ việc bị phát hiện, ngày 18/3/2024, bị cáo đến trình diện tại cơ quan điều tra và khai nhận hành vi phạm tội nhưng sau đó, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra ra lệnh truy nã bắt và tạm giam đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm người bào chữa và bị cáo tranh luận:

[2.1]. Về việc bỏ lọt tội phạm: Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ chưa thể xác định những người như bảo vệ Hồ Văn H, lễ tân T3 có tham gia vào hoạt động chứa mại dâm như lời người bào chữa cho bị cáo và bị cáo trình bày, mà chỉ là lập luận, phỏng đoán, những người này đã nghỉ việc trước khi công an bắt quả tang hành vi phạm tội của các bị cáo. Hơn nữa, trong trường hợp này, để đảm bảo vụ án không bị kéo dài, các bị cáo trong vụ án đã thừa nhận hành vi phạm tội, ngay cả bị cáo M có kháng cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội, không kháng cáo về tội danh và khung hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo; bị cáo cũng thừa nhận trong khoảng thời gian làm việc tại khách sạn, với vị trí là lễ tân trong ca trực bị cáo đã hướng dẫn cho khoảng 1 đến 2 người đến mua dâm tại khách sạn và hoàn toàn biết rõ hành vi phạm tội của các bị cáo khác với phương thức, thủ đoạn như bản án sơ thẩm đã nêu, thực hiện hành vi chứa mại dâm nhiều lần, trước và khi bị cáo làm vị trí lễ tân từ tháng 5 năm 2024 đến khoảng tháng 1 năm 2025. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án và kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xem xét về tội phạm liên quan đến vụ án (nếu có).

[2.2]. Đối với tranh luận cho rằng bị cáo D phạm tội môi giới mại dâm: Trong vụ án này bị cáo D đã bị xét xử về tội Chứa mại dâm, là đồng phạm giúp sức, giống với vai trò của bị cáo M trong vụ án; yếu tố cấu thành tội Chứa mại

dâm đã bao hàm những hành vi mà bị cáo D đã thực hiện trong quá trình phạm tội như tranh luận của người bào chữa. Do đó, việc cho rằng bị cáo D phạm tội Môi giới mại dâm là chưa đủ có căn cứ.

[2.3]. Đối với việc xác định số tiền do phạm tội mà có, cho đến nay ngoài lời khai của các bị cáo có liên quan đến vụ án, không còn chứng cứ nào khác, như sổ sách kế toán, lời tranh luận của người bào chữa cũng chỉ là phỏng đoán, không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không đủ căn cứ để điều tra lại.

[2.4]. Đối với các vi phạm như biên bản ghi lời khai thành phần không có tên điều tra viên hay tên điều tra viên tham gia ghi biên bản khác với tên điều tra viên ký vào biên bản. Đây chỉ là sai sót, không làm thay đổi bản chất, sự thật khách quan của vụ án và không làm ảnh hưởng việc giải quyết vụ án; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Võ Trần Nhựt M1 cũng thừa nhận lời khai nhận tội tại các bản tự khai/bản tường trình; ngoài các biên bản có sai sót nêu trên, còn các biên bản khác ghi nhận diễn biến vụ việc và hành vi phạm tội của các bị cáo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm mà kiến nghị cơ quan điều tra rút kinh nghiệm trong quá trình tiến hành tố tụng, lấy lời khai của những người tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong việc nghiên cứu, đánh giá tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để kịp thời khắc phục những vi phạm tố tụng (nếu có).

[2.5]. Về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Tòa cấp sơ thẩm đối với các bị cáo khác. Thực hiện nguyên tắc "không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo" tại cấp phúc thẩm theo Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025) Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng hình phạt nặng hơn đối với bị cáo so với bản án sơ thẩm. Trong vụ án này, không có kháng nghị của Viện Kiểm sát, do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét tranh luận của người bào chữa và bị cáo.

[2.6]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình tiến hành tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; trước khi phạm tội, bị cáo không vi phạm pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Võ Nhựt Bình M 05 (năm) năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Từ những nhận định nêu trên, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Nhựt Bình M, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2026/HS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025);

Không chấp nhận kháng cáo của Võ Nhựt Bình M, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2026/HSST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025), xử phạt bị cáo Võ Nhựt Bình M 05 (năm) năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2025.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Võ Nhựt Bình M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các quyết định về trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, cụ thể:

3.1. Tuyên bố bị cáo Ngô Phước B1, Phan Thị N, Hồ Thị Thanh D phạm tội “Chứa mại dâm”

3.2. Căn cứ điểm a, c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025);

3.2.1 Xử phạt bị cáo Ngô Phước B1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2024

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Phước B1 số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp sung quỹ Nhà nước

3.2.2. Xử phạt bị cáo Phan Thị N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2024

Phạt bổ sung bị cáo Phan Thị N số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp sung quỹ Nhà nước

3.2.3. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 327; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thanh D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2024.

4. Các quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 – Công an TP.HCM (1)
- TAND khu vực 7 – TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 7– TP.HCM (1)
- Phòng THADS khu vực 7 – TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú (1)
- Lưu: VP, HS. (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Tân